

Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú - Invest

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021



Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú - Invest

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Người đại diện theo pháp luật	2
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	6 - 7
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	8 - 42

Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú – Invest

BÁO CÁO CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú – Invest (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0102702590 ngày 12 tháng 3 năm 2008. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 20 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 24 tháng 11 năm 2020.

Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ hiện tại của Công ty là kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính tại số 104 Thái Thịnh, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Tô Như Toàn	Chủ tịch
Ông Ngô Đức Long	Thành viên
Ông Phạm Hồng Châu	Thành viên
Bà Nguyễn Diệu Tú	Thành viên
Ông Chu Đức Lượng	Thành viên độc lập
Ông Trịnh Thanh Hải	Thành viên độc lập

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Châu Phong	Tổng Giám đốc
Ông Tô Như Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hồng Châu	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thu Hằng	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Tô Như Toàn, Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú – Invest

BÁO CÁO CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú – Invest (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết với người đại diện theo pháp luật của Công ty rằng Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Theo ý kiến của người đại diện theo pháp luật của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 31 tháng 03 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (“báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ”) cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021 đề ngày 28 tháng 04 năm 2021 nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 – Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để thu thập đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.



Tô Như Toàn
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 04 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 31 tháng 03 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 03 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.746.486.833.135	2.773.825.822.810
110	I. Tiền và và tương đương tiền	4	613.182.471.863	619.639.586.448
111	1. Tiền		116.352.018.846	140.104.248.411
112	2. Các khoản tương đương tiền		496.830.453.017	479.535.338.037
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		312.251.744.333	719.540.806.618
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	64.785.447.973	183.409.679.889
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	122.186.090.520	210.320.702.794
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	49.500.000.000	67.272.328.767
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	86.387.710.097	269.145.599.425
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(10.607.504.257)	(10.607.504.257)
140	IV. Hàng tồn kho	9	1.596.500.686.268	1.239.161.761.382
141	1. Hàng tồn kho		1.596.500.686.268	1.239.161.761.382
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		224.551.930.671	195.483.668.362
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	215.301.573.611	195.483.668.362
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		9.084.051.120	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		166.305.940	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.954.710.525.801	3.640.441.074.414
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		430.956.031.425	401.258.116.888
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	430.956.031.425	401.258.116.888
220	II. Tài sản cố định		591.777.727.900	588.790.915.228
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	586.918.980.398	583.969.568.439
222	- Nguyên giá		615.800.601.034	608.283.425.579
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(28.881.620.636)	(24.313.857.140)
227	2. Tài sản cố định vô hình		4.858.747.502	4.821.346.789
228	- Nguyên giá		5.691.499.491	5.505.499.491
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(832.751.989)	(684.152.702)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		125.849.542.022	102.993.513.105
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	125.849.542.022	102.993.513.105
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	13	2.617.132.619.123	2.348.557.619.123
251	1. Đầu tư vào công ty con	13.1	1.410.746.250.000	1.410.746.250.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	13.2	1.193.648.189.272	925.073.189.272
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	13.3	17.000.000.000	17.000.000.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(4.461.820.149)	(4.461.820.149)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		200.000.000	200.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		188.994.605.331	198.840.910.070
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	188.994.605.331	198.840.910.070
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		6.701.197.358.936	6.414.266.897.224

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 03 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		4.135.955.508.244	3.997.278.046.703
310	I. Nợ ngắn hạn		2.961.623.339.634	2.731.594.600.808
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15.1	81.420.855.869	90.838.328.346
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15.2	1.916.428.790.937	1.657.752.947.965
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	2.779.804.856	16.713.670.335
314	4. Phải trả người lao động		4.797.607.602	9.650.939.760
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	186.457.834.119	202.020.074.294
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		101.943.185.015	2.346.244.754
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	37.254.588.663	28.228.393.643
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	590.540.672.573	684.044.001.711
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		40.000.000.000	40.000.000.000
330	II. Nợ dài hạn		1.174.332.168.610	1.265.683.445.895
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	780.254.146.056	772.130.956.688
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	394.078.022.554	493.552.489.207
400	B. NGUỒN VỐN		2.565.241.850.692	2.416.988.850.521
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	2.565.241.850.692	2.416.988.850.521
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.999.999.000.000	1.999.999.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.999.999.000.000	1.999.999.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		15.177.859.740	15.177.859.740
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		7.588.929.869	7.588.929.869
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		542.476.061.083	394.223.060.912
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		394.223.060.912	126.586.507.108
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		148.253.000.171	267.636.553.804
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		6.701.197.358.936	6.414.266.897.224

Người lập
Trần Mỹ Yến

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 04 năm 2021


Kế toán trưởng
Đỗ Thị Thanh Phương

Chủ tịch Hội đồng quản trị
Tô Như Toàn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	33.267.178.211	80.514.172.809	33.267.178.211	80.514.172.809
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		5.671.749.433	-	5.671.749.433	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	27.595.428.778	80.514.172.809	27.595.428.778	80.514.172.809
11	4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	22	17.877.801.507	65.993.663.789	17.877.801.507	65.993.663.789
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		9.717.627.271	14.520.509.020	9.717.627.271	14.520.509.020
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	185.150.530.614	9.945.728.672	185.150.530.614	9.945.728.672
22	7. Chi phí tài chính	23	25.617.458.323	8.185.728.553	25.617.458.323	8.185.728.553
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		25.617.458.323	8.185.728.553	25.617.458.323	8.185.728.553
25	8. Chi phí bán hàng	24	3.586.860.295	3.058.493.750	3.586.860.295	3.058.493.750
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	18.067.017.243	13.165.265.285	18.067.017.243	13.165.265.285
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		147.596.822.024	56.750.104	147.596.822.024	56.750.104
31	11. Thu nhập khác	25	841.928.020	462.190.709	841.928.020	462.190.709
32	12. Chi phí khác	26	185.749.873	-	185.749.873	-
40	13. Lợi nhuận khác		656.178.147	462.190.709	656.178.147	462.190.709
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		148.253.000.171	518.940.813	148.253.000.171	518.940.813
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	-	-	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		148.253.000.171	518.940.813	148.253.000.171	518.940.813



Người lập
Trần Mỹ Yên

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 04 năm 2021



Kế toán trưởng
Đỗ Thị Thanh Phương



Chủ tịch Hội đồng quản trị
Tô Như Toàn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021	Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		148.253.000.171	518.940.813
	2. Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định		4.716.362.783	382.855.635
05	(Lãi) từ hoạt động đầu tư		(185.150.530.614)	(9.945.728.672)
06	Chi phí lãi vay (bao gồm cả chi phí phát hành trái phiếu)	23	25.298.918.653	8.185.728.553
08	3. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(6.882.249.007)	(858.203.671)
09	Giảm các khoản phải thu		350.568.461.921	12.496.402.624
10	(Tăng) hàng tồn kho		(355.538.142.039)	(44.590.722.518)
11	Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		252.165.613.996	691.298.911.747
12	Giảm chi phí trả trước		(9.971.600.510)	(4.256.592.038)
14	Tiền lãi vay đã trả		(41.240.147.053)	(39.722.604.903)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.569.128.264)	(54.990.377.032)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		184.532.809.044	559.376.814.209
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ			
	TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(22.856.028.917)	(368.653.540)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác		(7.703.175.455)	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(57.500.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		17.772.328.767	15.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(268.575.000.000)	(20.500.000.000)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		283.349.747.767	4.480.754.703
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		1.987.872.162	(58.887.898.837)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn năm tài chính ba tháng ngày 31 tháng 03 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021	Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		40.864.238.087	104.137.038.767
34	Tiền trả nợ gốc vay		(233.842.033.878)	(447.645.656.507)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(192.977.795.791)	(343.508.617.740)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(6.457.114.585)	156.980.297.632
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		619.639.586.448	564.355.532.888
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		613.182.471.863	721.335.830.520



Người lập
Trần Mỹ Yên



Kế toán trưởng
Đỗ Thị Thanh Phương



Chủ tịch Hội đồng quản trị
Tô Như Toàn

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 04 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú – Invest (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0102702590 ngày 12 tháng 3 năm 2008. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 20 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 24 tháng 11 năm 2020.

Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ hiện tại của Công ty là kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính tại số 104 Thái Thịnh, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh bình quân của hoạt động chuyển nhượng bất động sản của Công ty bắt đầu từ thời điểm xin giấy phép đầu tư, thực hiện giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ bản cho đến thời điểm hoàn thiện. Do vậy, chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động chuyển nhượng bất động sản của Công ty là trong vòng từ 12 tháng đến 36 tháng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của các hoạt động khác của Công ty thông thường là trong vòng 12 tháng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2021 là 217 (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 216 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021, Công ty có 10 công ty con (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 11 công ty con). Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Công ty trong các công ty con này như sau:

<i>STT</i>	<i>Tên Công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích (%)</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết (%)</i>	<i>Trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>
1	Công ty TNHH MTV Đầu tư Văn Phú Giảng Võ	100%	100%	Số 104 Thái Thịnh, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Kinh doanh bất động sản
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú số 1	67%	67%	Số 104 Thái Thịnh, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Kinh doanh bất động sản, xây lắp
3	Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú số 2	78,50%	78,50%	Số 104 Thái Thịnh, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Kinh doanh bất động sản
4	Công ty TNHH Văn Phú - CGM	100%	100%	Số 104 Thái Thịnh, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Thi công xây lắp, kinh doanh bất động sản
5	Công ty Cổ phần Văn Phú Bắc Ái	60%	60%	Số 129 Đinh Tiên Hoàng, Phường 3, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản
6	Công ty Cổ phần Văn Phú Homes	62,64%	70%	Số 104 Thái Thịnh, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản
7	Công ty TNHH Văn Phú Resort – Lộc Bình	100%	100%	Đường số 7, Khu đô thị mới An Cựu, Phường An Đông, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Kinh doanh bất động sản
8	Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch Lâm Viên	100%	100%	Lô 7 Khu đô thị An Cựu City, Phường An Đông, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
9	Công ty Cổ phần Union Success Việt Nam (*)	54,95%	70%	Số 119 Phố Mới, xã Tân Dương, Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng	Kinh doanh bất động sản
10	Công ty TNHH Đầu tư Văn Phú – Phạm Hùng	(**)	65%	Số 104 Thái Thịnh, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Kinh doanh bất động sản

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

(*) Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết trong công ty con này khác nhau do Công ty kiểm soát công ty con này gián tiếp thông qua một công ty con khác.

(**) Tại ngày 31 tháng 3 năm 2021, Công ty còn cam kết góp vốn vào các công ty con này.

Ngoài ra, Công ty có các công ty liên kết, liên doanh như được trình bày tại Thuyết minh số 13.2.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 13.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021 ("báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ") đề ngày 28 tháng 4 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo :

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Hàng tồn kho bất động sản

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng tồn kho bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng tồn kho bất động sản bao gồm:

- ▶ Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuê chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở phù hợp.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	46 năm
Máy móc, thiết bị	8 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 6 năm
Phần mềm máy tính	3 năm
Tài sản khác	8 năm

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí môi giới bán bất động sản, thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính cho các khoản thanh toán theo tiền độ của khách hàng mua bất động sản tại các dự án bất động sản của Công ty và các chi phí trả trước ngắn hạn khác dự kiến mang lại lợi ích kinh tế trong khoảng thời gian một chu kỳ sản xuất kinh doanh.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí trước hoạt động, công cụ dụng cụ xuất dùng, chi phí trả trước tiền thuê và các chi phí trả trước khác mang lại lợi ích kinh tế trong khoảng thời gian trên một năm.

3.9 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên doanh

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh mà trong đó Công ty có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên doanh sau ngày Công ty có quyền đồng kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty hoặc bù đắp các tổn thất tài chính của Công ty trong tương lai.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản được chuyển giao cho người mua, thường là trùng với thời điểm bàn giao bất động sản.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp cho khách hàng.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.15 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là kinh doanh bất động sản. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc nhận định rằng Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý và Công ty không trình bày thông tin theo bộ phận.

3.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

3.17 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ

Trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020, Công ty đã trình bày báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo phương pháp trực tiếp. Từ tháng 06 năm 2020 trở đi, Công ty đã chuyển đổi sang sử dụng phương pháp gián tiếp để trình bày báo cáo lưu chuyển tiền tệ trên báo cáo tài chính riêng do đây là phương pháp phổ biến trên thị trường nhằm cung cấp thông tin phù hợp hơn cho người đọc báo cáo tài chính. Theo đó, Công ty đã lập và trình bày lại báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020 được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Tiền mặt	25.901.126.698	39.563.507.131
Tiền gửi ngân hàng	90.450.892.148	100.540.741.280
Các khoản tương đương tiền (*)	496.830.453.017	479.535.338.037
TỔNG CỘNG	613.182.471.863	619.639.586.448

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 03 năm 2021 bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các ngân hàng với lãi suất từ 2,6%/năm đến 3,2%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2020: từ 2,4%/năm đến 3,2%/năm).

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Phải thu từ chuyển nhượng bất động sản	45.447.589.473	77.731.942.623
Phải thu từ hoạt động khác	19.337.858.500	105.677.737.266
TỔNG CỘNG	64.785.447.973	183.409.679.889
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu từ bên liên quan (<i>Thuyết minh số 28</i>)	5.554.204.373	43.976.080.624
Phải thu từ các bên khác	59.231.243.600	139.433.599.265
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(10.607.504.257)	(10.607.504.257)

(*) Việc sử dụng phải thu từ chuyển nhượng bất động sản làm tài sản đảm bảo cho khoản trái phiếu phát hành của Công ty được trình bày tại Thuyết minh số 19.

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Trả trước cho người bán ngắn hạn	14.395.189.321	22.015.931.021
- Công ty Cổ phần Ecoba Việt Nam	1.107.166.058	7.268.998.131
- Công ty TNHH Kiến trúc và Chuyển giao	3.040.334.000	3.040.334.000
- Công nghệ Xây dựng HMP	10.247.689.263	11.706.598.890
- Các nhà cung cấp khác	107.790.901.199	188.304.771.773
- Trả trước cho các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 28</i>)	107.790.901.199	188.304.771.773
TỔNG CỘNG	122.186.090.520	210.320.702.794

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Phải thu về cho vay các bên khác		
- Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị An Thịnh (i)	30.000.000.000	47.772.328.767
- Công ty Cổ phần Khu nghỉ dưỡng Vườn Cọ (ii)	19.500.000.000	19.500.000.000
TỔNG CỘNG	49.500.000.000	67.272.328.767

(i) Các khoản cho vay này sẽ đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, hưởng lãi suất từ 10,5%/năm - 11%/năm.

(ii) Khoản cho vay này sẽ đáo hạn ngày 31 tháng 12 năm 2021, hưởng lãi suất 12%/năm.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Ngắn hạn		
Lãi cho vay dự thu	34.044.683.150	32.243.900.303
Tạm ứng cho nhân viên	1.557.261.800	626.625.500
Đặt cọc hợp tác đầu tư (i)	32.000.000.000	232.000.000.000
Phải thu khác	18.235.765.147	3.725.073.622
Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	550.000.000	550.000.000
TỔNG CỘNG	86.387.710.097	269.145.599.425
Dài hạn		
Đặt cọc hợp tác đầu tư (ii)	230.000.000.000	230.000.000.000
Ký quỹ thực hiện Dự án (iii)	45.029.591.900	45.029.591.900
Phải thu dài hạn khác	9.053.779.525	7.943.164.988
Phải thu dài hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	146.872.660.000	118.285.360.000
TỔNG CỘNG	430.956.031.425	401.258.116.888

(i) Số dư tại ngày 31 tháng 03 năm 2021 là khoản đặt cọc cho Công ty Cổ phần Nhật Quân Anh nhằm mục đích hợp tác đầu tư thực hiện dự án xây dựng lại khu tập thể số 3A Quang Trung, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Giá trị khoản đặt cọc là 32 tỷ đồng. Tháng 12 năm 2020, Công ty đã ký kết Hợp đồng mua bán để mua lại sàn thương mại tầng 1 và tầng 2 của dự án này với tổng giá phí là 24 tỷ VND. Giá phí hợp đồng được trừ với phần đặt cọc hợp tác đầu tư ban đầu theo tiến độ thanh toán của Hợp đồng mua bán;

(ii) Số dư tại ngày 31 tháng 03 năm 2021 là khoản đặt cọc cho Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ DLH Lan Hạ nhằm mục đích đầu tư thực hiện Dự án xây dựng và kinh doanh tòa nhà hỗn hợp văn phòng – thương mại – dịch vụ tại 33 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Giá trị khoản đặt cọc là 230 tỷ đồng; và

(iii) Số dư tại ngày 31 tháng 03 năm 2021 là các khoản ký quỹ tại các Sở Kế hoạch và đầu tư để bảo đảm thực hiện một số dự án đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

8. NỢ XẤU

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2021</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp dầu khí Việt Nam (PVR)	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
Các đối tượng khác	607.504.257	-	607.504.257	-
TỔNG CỘNG	10.607.504.257	-	10.607.504.257	-

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá và xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu dựa trên giá gốc trừ đi giá trị dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập.

9. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2021</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu vật liệu	58.233.358	-	50.627.642	-
Công cụ, dụng cụ	712.235.479	-	656.956.065	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.595.456.492.741	-	1.238.160.879.335	-
Hàng hóa	273.724.690	-	293.298.340	-
TỔNG CỘNG	1.596.500.686.268	-	1.239.161.761.382	-

(*) Chi tiết chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang:

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Dự án The Terra An Hưng (i)	1.514.328.095.470	1.186.090.252.462
Các dự án khác	81.128.397.271	52.070.626.873
TỔNG CỘNG	1.595.456.492.741	1.238.160.879.335

(i) Dự án The Terra An Hưng là tổ hợp thương mại, dịch vụ, căn hộ cao cấp và nhà ở thấp tầng tại ô đất TTDV01 thuộc khu đô thị mới An Hưng, phường La Khê và Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Việc sử dụng hàng tồn kho làm tài sản đảm bảo cho khoản trái phiếu phát hành của Công ty được trình bày tại Thuyết minh số 19.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải,	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng
Nguyên giá						
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	580.180.516.407	5.469.853.015	10.329.462.424	3.264.907.203	9.038.686.530	608.283.425.579
- Mua sắm trong năm	-	203.175.455	7.254.000.000	60.000.000	-	7.517.175.455
Ngày 31 tháng 03 năm 2021	580.180.516.407	5.673.028.470	17.583.462.424	3.324.907.203	9.038.686.530	615.800.601.034
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết	-	-	593.313.333	752.837.567	-	1.346.150.900
Hao mòn lũy kế						
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	13.713.357.658	903.896.787	5.968.175.053	2.179.113.780	1.549.313.862	24.313.857.140
- Khấu hao trong kỳ	3.236.955.195	194.991.238	607.172.879	170.256.636	358.387.548	4.567.763.496
Ngày 31 tháng 03 năm 2021	16.950.312.853	1.098.888.025	6.575.347.932	2.349.370.416	1.907.701.410	28.881.620.636
Giá trị còn lại						
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	566.467.158.749	4.565.956.228	4.361.287.371	1.085.793.423	7.489.372.668	583.969.568.439
Ngày 31 tháng 03 năm 2021	563.230.203.554	4.574.140.445	11.008.114.492	975.536.787	7.130.985.120	586.918.980.398

Việc sử dụng tài sản cố định hữu hình làm tài sản đảm bảo cho khoản vay của Công ty được trình bày tại Thuyết minh số 19.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

11. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong kỳ, Công ty đã vốn hóa chi phí đi vay với giá trị khoảng 1,8 tỷ VND (số phát sinh cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020 khoảng 1,7 tỷ VND). Các khoản chi phí đi vay này chủ yếu liên quan đến các khoản vay trực tiếp nhằm đầu tư xây dựng một số dự án bất động sản của Công ty.

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Dự án Lộc Bình - Thừa Thiên Huế	42.336.182.381	39.721.613.309
Dự án Hoàn Bò - Quảng Ninh	19.126.450.926	18.639.709.885
Dự án Cồn Khương - Thành phố Cần Thơ	26.621.377.184	13.764.535.061
Các dự án khác	37.765.531.531	30.867.654.850
TỔNG CỘNG	125.849.542.022	102.993.513.105

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 03 năm 2021			Ngày 31 tháng 12 năm 2020		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị còn lại	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị còn lại
Đầu tư vào công ty con (xem Thuyết minh 13.1)	1.410.746.250.000	-	1.410.746.250.000	1.410.746.250.000	-	1.410.746.250.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (xem Thuyết minh 13.2)	1.193.648.189.272	(4.461.820.149)	1.189.186.369.123	925.073.189.272	(4.461.820.149)	920.611.369.123
Đầu tư vào đơn vị khác (xem Thuyết minh 13.3)	17.000.000.000	-	17.000.000.000	17.000.000.000	-	17.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	200.000.000	-	200.000.000	200.000.000	-	200.000.000
TỔNG CỘNG	2.621.594.439.272	(4.461.820.149)	2.617.132.619.123	2.353.019.439.272	(4.461.820.149)	2.348.557.619.123

13.1 Đầu tư vào các công ty con

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 03 năm 2021				Ngày 31 tháng 12 năm 2020			
	Giá trị Giá trị	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ vốn nắm giữ trực tiếp	Tỷ lệ biểu quyết	Giá trị Giá trị	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ vốn nắm giữ trực tiếp	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty TNHH Văn Phú Resort - Lộc Bình	550.000.000.000	(i)	100,00%	100,00%	550.000.000.000	(i)	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Đầu tư Văn Phú Giảng Võ	428.000.000.000	(i)	100,00%	100,00%	428.000.000.000	(i)	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú số 2	163.031.250.000	(i)	78,50%	78,50%	163.031.250.000	(i)	78,50%	78,50%
Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú số 1	102.845.000.000	(i)	67,00%	67,00%	102.845.000.000	(i)	67,00%	67,00%
Công ty Cổ phần Văn Phú Bắc Ái	90.000.000.000	(i)	60,00%	60,00%	90.000.000.000	(i)	60,00%	60,00%
Công ty TNHH Dịch vụ du lịch Lâm Viên	40.500.000.000	(i)	100,00%	100,00%	40.500.000.000	(i)	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Văn Phú - CGM	35.800.000.000	(i)	100,00%	100,00%	35.800.000.000	(i)	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Văn Phú Homes	570.000.000	(i)	62,64%	70,00%	570.000.000	(i)	62,64%	70,00%
TỔNG CỘNG	1.410.746.250.000				1.410.746.250.000			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

(i) Giá trị hợp lý các khoản đầu tư này chưa xác định được do chưa có đủ các thông tin cần thiết để đánh giá giá trị hợp lý.

Việc sử dụng một số khoản đầu tư vào công ty con làm tài sản đảm bảo cho khoản vay của một công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 29.

13.2 Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết này như sau:

	Ngày 31 tháng 03 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
	Giá trị	Giá trị hợp lý	Giá trị	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thương mại Văn Phú	278.006.400.000	(iv)	278.006.400.000	(iv)
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Hà Nội - Bắc Giang	163.786.400.000	(iv)	163.786.400.000	(iv)
Công ty Cổ phần In và Văn hóa phẩm	33.777.503.175	(iv)	33.777.503.175	(iv)
Công ty TNHH BT Hà Đông	53.227.886.097	(iv)	52.402.886.097	(iv)
Công ty Cổ phần Kinh doanh Địa ốc Văn Phú	2.160.000.000	(iv)	2.160.000.000	(iv)
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô thị Cần Thơ (i)	367.500.000.000	(iv)	367.500.000.000	(iv)
Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh Bất động sản Trần Việt	27.440.000.000	(iv)	27.440.000.000	(iv)
Công ty Cổ phần Đầu tư Phong Phú (ii)	191.250.000.000	(iv)	-	(iv)
Công ty Cổ phần Đầu tư Hà Phú Riverland (iii)	76.500.000.000	(iv)	-	(iv)
TỔNG CỘNG	1.193.648.189.272		925.073.189.272	

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên của mã số doanh nghiệp: 1801673457 thay đổi lần thứ hai ngày 5 tháng 3 năm 2021, Công ty TNHH Đầu tư Cần Khương đổi tên thành Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô Thị Cần Thơ.

(ii) Theo Nghị quyết số 1203/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 3 năm 2021, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc nhận chuyển nhượng 19.125.000 cổ phần phổ thông, tương ứng 30,6% tổng số cổ phần, của Công ty Cổ phần Đầu tư Phong Phú.

(iii) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 0903/NQ-HĐQT ngày 9 tháng 3 năm 2021, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Hà Phú Riverland, Công ty đăng ký mua 7.650.000 cổ phần, tương đương 76.500.000.000 VND, chiếm 30,6% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Hà Phú Riverland.

(iv) Giá trị hợp lý các khoản đầu tư này chưa xác định được do chưa có đủ các thông tin cần thiết để đánh giá giá trị hợp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.2 Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)

Thông tin về các công ty liên doanh, liên kết như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính	Ngày 31 tháng 3 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
			Tỷ lệ vốn nắm giữ trực tiếp (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ vốn nắm giữ trực tiếp (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thương mại Văn Phú	Tầng 1-4, tòa V1 The Van Phu Victoria, CT9, khu đô thị Văn Phú, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Kinh doanh bất động sản	35,00	35,00	35,00	35,00
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Hà Nội – Bắc Giang	Số 14, lô B1, khu đô thị mới Nam Từ Sơn, xã Phù Chẩn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	Xây dựng và thu phí đường bộ	33,00	33,00	33,00	33,00
Công ty Cổ phần In và Văn hóa phẩm	Số 83, đường Hào Nam, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Xây dựng và in ấn	46,77	46,77	46,77	46,77
Công ty TNHH BT Hà Đông	Số 12, đường Khuất Duy Tiến, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng	50,00	50,00	50,24	50,00
Công ty Cổ phần Kinh doanh Địa ốc Văn Phú	Số 104 đường Thái Thịnh, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản	36,00	36,00	36,00	36,00
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô thị Cần Thơ	Số 68, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Kinh doanh bất động sản	49,00	49,00	49,00	49,00
Công ty Cổ phần Đầu tư – Kinh doanh Bất động sản Trần Việt	Số 285 đường Nguyễn Du, phường Nghĩa Chánh, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	Kinh doanh bất động sản	49,00	49,00	49,00	49,00
Công ty Cổ phần Đầu tư Phong Phú	Số 36 đường 31A, phường An Phú, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản	30,60	30,60	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hà Phú Riverland	Số 90 đường Phan Trung, KP 7, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Kinh doanh bất động sản	30,60	30,60	-	-
Công ty TNHH Công viên Trung Văn	Nhà 24B/1, khu nhà ở Phú Mỹ, số 24 đường Ngô Quyền, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Kinh doanh bất động sản	-	40,00	-	40,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.3 Đầu tư vào các công ty khác

Số dư tại ngày 31 tháng 03 năm 2021 là khoản đầu tư góp vốn thành lập Công ty TNHH An Biên Golf and Resort với vốn điều lệ là 170 tỷ VND, có địa chỉ tại số 25B, phố Hải Hà, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Công ty đã cam kết và góp đủ 10% trên tổng vốn điều lệ của công ty mới thành lập. Tỷ lệ vốn nắm giữ trực tiếp và tỷ lệ biểu quyết của Công ty là 10%. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này chưa xác định được do chưa có đủ các thông tin cần thiết để đánh giá giá trị hợp lý.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Ngắn hạn		
Chi phí bán hàng Dự án The Terra An Hưng	196.995.180.753	175.658.856.692
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	182.348.534	176.427.262
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp	16.702.647.914	16.702.647.914
Khác	1.421.396.410	2.945.736.494
TỔNG CỘNG	215.301.573.611	195.483.668.362
Dài hạn		
Chi phí sửa chữa văn phòng	17.503.589.271	19.643.376.209
Chi phí trả trước tiền mặt bằng Dự án Khu dịch vụ khách sạn Hồ Tây	49.595.736.862	50.388.913.738
Chi phí bán hàng Dự án The Terra An Hưng	-	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	234.920.072	541.552.883
Công cụ, dụng cụ phục vụ khu dịch vụ khách sạn Hồ Tây	115.972.532.009	121.832.671.225
Khác	5.687.827.117	6.434.396.015
TỔNG CỘNG	188.994.605.331	198.840.910.070

Việc sử dụng một số công cụ dụng cụ tại Dự án Khu dịch vụ căn hộ khách sạn Hồ Tây làm tài sản đảm bảo cho khoản vay của Công ty được trình bày tại Thuyết minh số 19.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

15.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Giá trị (số có khả năng trả nợ)</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Phải trả người bán	67.485.694.425	48.317.424.582
- Công ty Cổ phần Ecoba Việt Nam	26.326.188.660	-
- Công ty Cổ phần xây dựng số 9	6.680.580.235	4.609.789.724
- Các nhà cung cấp khác	34.478.925.530	43.707.634.858
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	13.935.161.444	42.520.903.764
TỔNG CỘNG	81.420.855.869	90.838.328.346

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC (tiếp theo)

15.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Khách hàng mua nhà Dự án The Terra An Hưng	1.914.678.623.920	1.655.700.689.175
Khách hàng khác trả tiền trước	1.750.167.017	2.052.258.790
TỔNG CỘNG	<u>1.916.428.790.937</u>	<u>1.657.752.947.965</u>

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Số đầu kỳ	Số đã nộp /bù trừ trong kỳ	Số phải nộp	Số cuối kỳ
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	9.825.398.172	38.845.791.224	29.020.393.052	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.283.031.408	4.569.128.264	-	1.713.903.144
Thuế thu nhập cá nhân	571.395.868	2.635.660.986	2.979.261.445	914.996.327
Các loại thuế khác	33.844.887	117.491.448	234.551.946	150.905.385
TỔNG CỘNG	<u>16.713.670.335</u>	<u>46.168.071.922</u>	<u>32.234.206.443</u>	<u>2.779.804.856</u>

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Chi phí trích trước Dự án The Terra An Hưng	66.534.042.940	66.535.790.140
Chi phí trích trước Dự án Văn Phú	99.955.051.613	99.987.292.868
Chi phí trích trước Dự án Khu dịch vụ căn hộ khách sạn Hồ Tây	5.368.836.949	5.368.836.949
Chi phí lãi vay	9.777.354.080	27.162.871.751
Chi phí khác	4.822.548.537	2.965.282.586
TỔNG CỘNG	<u>186.457.834.119</u>	<u>202.020.074.294</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngày 31 tháng 03 năm 2021	Đơn vị tính: VND Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Ngắn hạn		
Phải trả phí mua lại trái phiếu trước hạn	5.400.000.000	5.400.000.000
Nhận đặt cọc hoàn thiện nhà tại các dự án	7.565.902.200	5.218.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	15.628.386.442	15.950.093.622
Phải trả khác các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	8.660.300.021	1.660.300.021
TỔNG CỘNG	37.254.588.663	28.228.393.643
Dài hạn		
Nhận đặt cọc hợp tác đầu tư Dự án		
Khu đô thị mới Cồn Khương (i)	625.000.000.000	625.000.000.000
Nhận góp vốn hợp tác đầu tư các dự án (ii)	126.588.362.300	118.696.962.300
Phải trả khác	27.368.493.756	27.136.704.388
Phải trả khác các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	1.297.290.000	1.297.290.000
TỔNG CỘNG	780.254.146.056	772.130.956.688

- (i) Số dư vào ngày 31 tháng 03 năm 2021 là khoản đặt cọc từ Công ty TNHH REQ theo Hợp đồng nguyên tắc số 01/2020/NĐNT/REQ-VPI để đảm bảo thực hiện các quyền và nghĩa vụ của các bên về việc hợp tác đầu tư Dự án Khu đô thị mới Cồn Khương ở thành phố Cần Thơ ("Dự án") Theo đó, Công ty TNHH REQ và Công ty sẽ ký hợp đồng hợp tác đầu tư để cùng góp vốn đầu tư với tỷ lệ tương ứng là 80:20 trên phần vốn góp của Công ty trong tổng vốn đầu tư dự án và sẽ được thu hồi toàn bộ khoản tiền góp vốn, được phân chia lợi ích tương ứng với tỷ lệ góp vốn mà Công ty được hưởng từ Dự án.
- (ii) Số dư vào ngày 31 tháng 03 năm 2021 là các khoản nhận góp vốn hợp tác đầu tư cho Dự án "Đầu tư xây dựng đoạn tuyến kết nối từ đường Phạm Văn Đồng đến nút giao thông Gò Dưa – Quốc lộ 1, quận Thủ Đức" theo hình thức Hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao và Dự án "Đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp quốc lộ 1 – đoạn Hà Nội – Bắc Giang" theo hình thức Hợp đồng Xây dựng – Kinh doanh – Chuyển giao. Theo các hợp đồng hợp tác đầu tư, Công ty thay mặt các bên góp vốn thực hiện các quyền và nghĩa vụ liên quan tới việc thực hiện dự án và cam kết chia lãi cho các đối tác theo tỷ lệ góp vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

19. VAY

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020		Phát sinh trong năm		Ngày 31 tháng 03 năm 2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Vay ngân hàng (Thuyết minh 19.1)	455.453.824.126	455.453.824.126	40.864.238.087	34.519.703.427	461.798.358.786	461.798.358.786
Vay đối tượng khác (Thuyết minh 19.3)	28.900.000.000	28.900.000.000	-	-	28.900.000.000	28.900.000.000
Trái phiếu đến kỳ hạn thanh toán (Thuyết minh 19.4)	199.690.177.585	199.690.177.585	100.152.136.202	200.000.000.000	99.842.313.787	99.842.313.787
	684.044.001.711	684.044.001.711	141.016.374.289	234.519.703.427	590.540.672.573	590.540.672.573
Vay dài hạn						
Vay ngân hàng (Thuyết minh 19.2)	216.717.589.179	216.717.589.179	-	-	216.717.589.179	216.717.589.179
Trái phiếu đến kỳ hạn thanh toán (Thuyết minh 19.4)	276.834.900.028	276.834.900.028	367.847.134	99.842.313.787	177.360.433.375	177.360.433.375
	493.552.489.207	493.552.489.207	367.847.134	99.842.313.787	394.078.022.554	394.078.022.554
TỔNG CỘNG	1.177.596.490.918	1.177.596.490.918	141.384.221.423	334.362.017.214	984.618.695.127	984.618.695.127

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

19. VAY (tiếp theo)

19.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

Ngân hàng	Ngày 31 tháng 03 năm 2021	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Thiên Long	447.340.199.098	Khế ước cuối cùng đáo hạn tháng 12 năm 2021. Lãi được thanh toán hàng tháng.	Lãi suất theo từng khế ước nhận nợ và thông báo của Ngân hàng.	(i)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đại La	14.458.159.688	Khế ước cuối cùng đáo hạn tháng 11 năm 2021. Lãi được thanh toán hàng tháng.	Lãi suất theo từng khế ước nhận nợ và thông báo của Ngân hàng.	(ii)
TỔNG CỘNG	461.798.358.786			

- (i) Thế chấp bằng một số tài sản gắn liền với đất tại Khu dịch vụ thương mại tầng 5-CT9, Khu đô thị mới Văn Phú, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội thuộc sở hữu của bên thứ ba; tài sản gắn liền với đất tại Sàn thương mại tầng 1, tòa nhà Home City, tổ 51, phố Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội thuộc sở hữu của bên thứ ba; quyền sở hữu 21.250.000 cổ phiếu phổ thông của Công ty.
- (ii) Thế chấp bằng 2.625.000 cổ phiếu phổ thông của Công ty và toàn bộ quyền lợi phát sinh từ số lượng cổ phiếu này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

19. VAY (tiếp theo)

19.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

				Đơn vị tính: VND
Ngân hàng	Ngày 31 tháng 03 năm 2021	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Hà Nội	216.717.589.179	Gốc được thanh toán theo quy định tại từng kế ước nhận nợ từ tháng 3 năm 2022 đến tháng 3 năm 2032. Thời gian ân hạn gốc kéo dài tới tháng 3 năm 2022. Lãi được thanh toán hàng tháng.	Lãi suất đang áp dụng là 9,0%/năm - 9,8%/năm.	(iii)
TỔNG CỘNG	216.717.589.179			

(iii) Thế chấp bằng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại địa chỉ BT11-02, Khu đô thị mới An Hưng, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội thuộc sở hữu của các cá nhân; quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại Đơn nguyên 2 và Đơn nguyên 3, tầng 1 nhà 5 tầng, số 76 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội thuộc sở hữu của cổ đông Công ty; quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng cho thuê Tòa 1 và khoán thu Tòa 2 Dự án Khu dịch vụ căn hộ khách sạn Hồ Tây và toàn bộ tài sản là động sản hình thành trong tương lai từ Dự án Khu dịch vụ căn hộ khách sạn Hồ Tây thuộc sở hữu của Công ty, quyền sở hữu 3.300.000 cổ phiếu phổ thông của Công ty.

19.3 Các khoản vay đối tượng khác

Khoản vay ngắn hạn từ đối tượng khác vào ngày 31 tháng 03 năm 2021 gồm khoản vay theo hình thức tín chấp với lãi suất 9,3%/năm, và có gốc và lãi vay đáo hạn tháng 12 năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

19. VAY (tiếp theo)

19.4 Trái phiếu phát hành

Đơn vị tính: VND

Bên tư vấn phát hành	Ngày 31 tháng 03 năm 2021	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	177.475.342.466	Gốc trái phiếu đáo hạn tháng 7 năm 2022. Lãi được thanh toán 6 tháng một lần kể từ ngày phát hành.	10,5%/năm	12.500.000 cổ phiếu phổ thông của Công ty.
Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	99.842.313.787	Gốc trái phiếu đáo hạn tháng 3 năm 2022. Lãi được thanh toán 6 tháng một lần kể từ ngày phát hành.	9%/năm	(iv)
Chi phí phát hành trái phiếu (v)	(114.909.091)			
TỔNG CỘNG	277.202.747.162			
<i>Trong đó:</i>				
- Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	99.842.313.787			
- Trái phiếu dài hạn	177.360.433.375			

(v) Tài sản đảm bảo là quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng mua bán căn hộ cao tầng và nhà ở thấp tầng thuộc dự án Tổ hợp thương mại, dịch vụ, căn hộ cao cấp và nhà ở thấp tầng tại Ô đất TTDV-01 thuộc khu đô thị mới An Hưng, phường La Khê và phường Dương Nội, quận Hà Đông, Hà Nội thuộc sở hữu của Công ty.

(iv) Chi phí phát sinh để phát hành khoản trái phiếu trong tháng 4 năm 2021 (xem Thuyết minh số 30)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần đã phát hành	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
					Tổng cộng
Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020					
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	1.600.000.000.000	15.177.859.740	7.588.929.869	543.605.507.108	2.166.372.296.717
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	518.940.813	518.940.813
Ngày 31 tháng 03 năm 2020	<u>1.600.000.000.000</u>	<u>15.177.859.740</u>	<u>7.588.929.869</u>	<u>544.124.447.921</u>	<u>2.166.891.237.530</u>
Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021					
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	1.999.999.000.000	15.177.859.740	7.588.929.869	394.223.060.912	2.416.988.850.521
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	148.253.000.171	148.253.000.171
Ngày 31 tháng 3 năm 2021	<u>1.999.999.000.000</u>	<u>15.177.859.740</u>	<u>7.588.929.869</u>	<u>542.476.061.083</u>	<u>2.565.241.850.692</u>

20.2 Chi tiết về vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Tổng số	Cổ phiếu thường
Vốn góp từ cổ đông	1.999.999.000.000	1.999.999.000.000	1.999.999.000.000	1.999.999.000.000
TỔNG CỘNG	<u>1.999.999.000.000</u>	<u>1.999.999.000.000</u>	<u>1.999.999.000.000</u>	<u>1.999.999.000.000</u>

Việc sử dụng vốn góp của cổ đông làm tài sản đảm bảo cho khoản vay của Công ty được trình bày tại Thuyết minh số 19.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021	Đơn vị tính: VND Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020
Vốn đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu kỳ	1.999.999.000.000	1.600.000.000.000
Số cuối kỳ	1.999.999.000.000	1.600.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

20.3 Cổ phiếu

	Ngày 31 tháng 03 năm 2021 (Cổ phiếu)	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 (Cổ phiếu)
Cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	199.999.900	199.999.900
Cổ phiếu phổ thông	199.999.900	199.999.900
Cổ phiếu đang lưu hành	199.999.900	199.999.900
Cổ phiếu phổ thông	199.999.900	199.999.900

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 31 tháng 03 năm 2021: 10.000 VND/cổ phiếu
(Ngày 31 tháng 12 năm 2019: 10.000 VND/cổ phiếu).

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021	Đơn vị tính: VND Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020
Tổng doanh thu	33.267.178.211	80.514.172.809
<i>Trong đó:</i>		
Kinh doanh bất động sản	5.671.749.433	63.401.729.802
Cung cấp dịch vụ	27.595.428.778	16.670.593.351
Khác	-	441.849.656
Các khoản giảm trừ doanh thu	5.671.749.433	-
Doanh thu thuần	27.595.428.778	80.514.172.809
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với bên khác	24.355.556.737	79.295.965.538
Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	3.239.872.041	1.218.207.271

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

21. DOANH THU (tiếp theo)

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020</i>
Lãi tiền gửi, cho vay	5.150.530.614	9.945.728.672
Cổ tức và lợi nhuận được chia (i)	180.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	185.150.530.614	9.945.728.672

(i) Số liệu phát sinh trong kỳ là khoản lợi nhuận được chia theo Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty. Theo đó, Công ty TNHH MTV Đầu tư Văn Phú Giảng Võ đã phân chia một phần lợi nhuận sau thuế lũy kế đến hết năm 2020 và tạm chia một phần lợi nhuận năm 2021 cho Công ty.

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020</i>
Giá vốn bất động sản đã chuyển nhượng	-	45.295.233.808
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	17.877.801.507	20.562.001.613
Giá vốn của hoạt động khác	-	136.428.368
TỔNG CỘNG	17.877.801.507	65.993.663.789

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020</i>
Chi phí lãi vay	23.815.929.054	8.185.728.553
Chi phí phát hành trái phiếu	1.482.989.599	-
Chiết khấu thanh toán	318.539.670	-
TỔNG CỘNG	25.617.458.323	8.185.728.553

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020
Chi phí bán hàng		
Chi phí bằng tiền khác	3.586.860.295	3.058.493.750
TỔNG CỘNG	3.586.860.295	3.058.493.750
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	6.919.071.852	5.988.253.565
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.811.739.197	3.151.766.271
Chi phí khấu hao tài sản cố định	766.609.016	719.953.731
Thuế phí và lệ phí	-	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.885.093.508	1.573.397.479
Chi phí bằng tiền khác	5.684.503.670	1.727.894.239
TỔNG CỘNG	18.067.017.243	13.165.265.285

25. THU NHẬP KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020
Thanh lý nhượng bán tài sản cố định	-	47.272.727
Thu phạt vi phạm hợp đồng	841.928.020	414.917.982
TỔNG CỘNG	841.928.020	462.190.709

26. CHI PHÍ KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020
Chi phí khác	185.749.873	-
TỔNG CỘNG	185.749.873	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 (Thu nhập)/chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
TỔNG CỘNG	-	-

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	148.253.000.171	518.940.813
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	29.650.600.034	103.788.163
<i>Các khoản điều chỉnh</i>		
Chi phí không được trừ khác	92.436.419	-
Tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận với lỗ tính thuế	6.436.053.084	16.992.339
Lợi nhuận được chia bởi công ty con không chịu thuế TNDN	(36.000.000.000)	-
Các khoản điều chỉnh giảm khác	(179.089.537)	(120.780.502)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với lỗ tính thuế và chi phí lãi vay chưa được trừ được chuyển sang năm sau theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP do không ước tính chắc chắn của thu nhập tính thuế trong tương lai.

28. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu với Công ty:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Đầu tư Văn Phú Giảng Võ	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú số 1	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú số 2	Công ty con
Công ty TNHH Văn Phú - CGM	Công ty con
Công ty Cổ phần Văn Phú Bắc Ái	Công ty con
Công ty Cổ phần Văn Phú Homes	Công ty con
Công ty TNHH Văn Phú Resort - Lộc Bình	Công ty con
Công ty Cổ phần Union Success Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH Dịch vụ du lịch Lâm Viên	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô thị Cần Thơ	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thương mại Văn Phú	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Kinh doanh Địa ốc Văn Phú	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Hà Nội - Bắc Giang	Công ty liên kết
Công ty TNHH BT Hà Đông	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần In và Văn hóa phẩm	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh Bất động sản Trần Việt	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Phong Phú	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Hà Phú Riverland	Công ty liên kết
Công ty TNHH Nông dược Trường Minh	Ông Ngô Đức Long là Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Phú Mỹ	Ông Chu Đức Lượng là Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

28. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan bao gồm:

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.239.872.041	1.218.207.271
Công ty TNHH MTV Đầu tư Văn Phú Giảng Võ	1.872.232.040	139.886.363
Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú số 1	181.569.091	184.809.091
Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú số 2	236.317.273	240.533.636
Công ty TNHH Văn Phú - CGM	482.250.909	274.971.818
Công ty Cổ phần Văn Phú Homes	172.576.364	136.064.545
Công ty TNHH Nông dược Trường Minh	104.935.455	106.808.182
Công ty Cổ phần Kinh doanh Địa ốc Văn Phú	189.990.909	135.133.636
Doanh thu từ hoạt động tài chính	180.000.000.000	1.875.579.452
Công ty TNHH MTV Đầu tư Văn Phú Giảng Võ	180.000.000.000	1.875.579.452
- Lãi từ hoạt động cho vay	-	1.875.579.452
- Lãi được chia từ công ty con	180.000.000.000	-
Chi phí mua dịch vụ	161.737.598.848	75.065.569.634
Công ty TNHH Văn Phú - CGM	156.983.121.699	63.254.652.620
Công ty Cổ phần Văn Phú Homes	1.564.996.728	2.500.806.621
Công ty Cổ phần Kinh doanh Địa ốc Văn Phú	3.189.480.421	9.310.110.393
Góp vốn	76.500.000.000	20.500.000.000
Công ty TNHH Nông dược Trường Minh	-	20.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hà Phú Riverland	76.500.000.000	-

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ cung cấp dịch vụ và sử dụng dịch vụ với các bên liên quan được thực hiện theo cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, cho vay, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 03 năm 2021 không cần bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Ngoại trừ các khoản cho vay bên liên quan, các số dư phải thu và phải trả không có lãi suất. Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2021, Công ty đánh giá và xác định không có bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

28. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

	Ngày 31 tháng 03 năm 2021	Đơn vị tính: VND Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Phải thu khách hàng ngắn hạn		
<i>(Thuyết minh số 5.1)</i>	5.554.204.373	43.976.080.624
Công ty TNHH MTV Đầu tư Văn Phú Giảng Võ	1.872.232.039	39.452.470.548
Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú số 1	325.324.000	125.598.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú số 2	2.168.981.334	2.909.032.334
Công ty TNHH Văn Phú - CGM	530.476.000	298.460.000
Công ty TNHH Nông dưọc Trường Minh	151.723.000	882.153.742
Công ty Cổ phần Kinh doanh Địa ốc Văn Phú	138.692.000	131.424.000
Công ty Cổ phần Văn Phú Homes	366.776.000	176.942.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn	107.790.901.199	188.304.771.773
<i>(Thuyết minh số 5.2)</i>		
Công ty TNHH Văn Phú - CGM	107.782.701.199	188.304.771.773
Công ty Cổ phần Văn Phú Homes	8.200.000	-
Phải thu ngắn hạn khác <i>(Thuyết minh số 7)</i>	550.000.000	550.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Văn Phú Giảng Võ	550.000.000	-
- Lợi tức được chia	550.000.000	550.000.000
Phải thu dài hạn khác <i>(Thuyết minh số 7)</i>	146.872.660.000	118.285.360.000
Công ty Cổ phần Văn Phú Bắc Ái - góp vốn hợp tác đầu tư (i)	146.872.660.000	118.285.360.000
Phải trả người bán <i>(Thuyết minh số 15)</i>	13.935.161.444	42.520.903.764
Công ty TNHH Văn Phú - CGM	9.598.125.583	35.388.643.039
Công ty Cổ phần Văn Phú Homes	1.987.500.000	1.274.296.401
Công ty Cổ phần Kinh doanh Địa ốc Văn Phú	2.349.535.861	5.857.964.324
Phải trả ngắn hạn khác <i>(Thuyết minh số 18)</i>	8.660.300.021	1.660.300.021
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thương mại Văn Phú	8.462.300.021	1.462.300.021
Thủ lao phải trả Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	198.000.000	198.000.000
Phải trả dài hạn khác <i>(Thuyết minh số 18)</i>	1.297.290.000	1.297.290.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Phú Mỹ - nhận góp vốn hợp tác đầu tư	1.297.290.000	1.297.290.000

- (i) Khoản phải thu do Công ty Cổ phần Văn Phú Bắc Ái huy động vốn từ Công ty để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng đoạn tuyến kết nối từ đường Phạm Văn Đồng đến nút giao thông Gò Dưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

29. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Cam kết thuê 2 tòa Dự án Khu dịch vụ căn hộ khách sạn Hồ Tây theo hợp đồng số 60 HĐTN/CTHT, thời hạn từ ngày 3 tháng 2 năm 2016 đến ngày 26 tháng 9 năm 2064. Chi tiết khoản phải trả theo cam kết thuê hoạt động này như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn :		
- Từ 1 năm trở xuống	2.005.850.320	2.005.850.320
- Trên 1 năm đến 5 năm	31.540.840.538	31.540.840.538
- Trên 5 năm	510.512.253.201	511.006.846.430
TỔNG CỘNG	544.058.944.059	544.553.537.288

Cam kết theo hợp đồng hỗ trợ lãi suất

Công ty đã ký kết một số thỏa thuận ba (3) bên với các khách hàng mua căn hộ tại dự án bất động sản của Công ty và một số ngân hàng cho các khách hàng mua căn hộ này vay, để thanh toán giá trị theo hợp đồng mua bất động sản. Theo thỏa thuận này, ngân hàng sẽ cho khách hàng vay để thanh toán tiền mua căn hộ tại dự án bất động sản trên và Công ty sẽ hỗ trợ khách hàng thông qua việc thanh toán lãi vay tương ứng với lãi suất của ngân hàng tại từng thời điểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo Nghị quyết số 1304/NQ-HĐQT ngày 13 tháng 4 năm 2021, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ, không chuyển đổi, không kèm chứng quyền với tổng mệnh giá tối đa là 200 tỷ VND trong năm 2021, có bảo đảm bằng tài sản, lãi suất cố định, đáo hạn năm 2024. Ngày 15 tháng 04 năm 2021, Công ty đã nhận giải ngân cho số trái phiếu với số tiền là 200 tỷ VND.

Theo Nghị quyết số 3103-1/NQ-HĐQT ngày 31 tháng 3 năm 2021, Hội đồng Quản trị của Công ty phê duyệt việc nhận chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty TNHH MTV Đầu tư Hùng Sơn ("Công ty Hùng Sơn"). Ngày 01 tháng 04 năm 2021, Công ty đã ký Hợp đồng chuyển nhượng vốn điều lệ số 01/2021/HĐCN-HUNGSON với bên thứ ba. Theo đó, Công ty đã nhận chuyển nhượng 100% vốn điều lệ của Công ty Hùng Sơn với giá chuyển nhượng là 455 tỷ VND.

Theo Nghị quyết số 0204/NQ-HĐQT ngày 2 tháng 4 năm 2021, Hội đồng Quản trị của Công ty phê duyệt việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty TNHH Văn Phú - CGM ("Công ty CGM"). Ngày 2 tháng 4 năm 2021, Công ty đã ký các Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp cho các cá nhân. Theo đó, Công ty chuyển nhượng 100% vốn góp của Công ty CGM với tổng giá trị chuyển nhượng là 40 tỷ VND.

Ngoài các sự kiện đã nêu ở trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.



Người lập
Trần Mỹ Yến



Kế toán trưởng
Đỗ Thị Thanh Phương



Chủ tịch Hội đồng quản trị
Tô Như Toàn

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 04 năm 2021